



ĐẠI TỪ CHỈ THỜI 每

Đúc kết công thức

(1) 他**每**天 5 点起床。

Tā měitiān 5 diǎn qǐchuáng.

(2) 我**每**月都回家看父母。

Wǒ měi yuè dōu huí jiā kàn fùmǔ.

(3) 啊明**每**年都去中国旅游。

A míng měinián dōu qù zhōngguó lǚyóu.

